

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 23

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Phở bò, hành tây, củ cải, rau xà lách xoắn, húng quế, hành lá
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá chẽm sốt chanh dây, hành lá ngò rí
- Củ từ nấu thịt heo, hành lá, ngò rí
Xế: Chuối cau
Xế chiều: Nui sao nấu tôm tươi, bí ngòi, nấm đùi gà, cải bó xôi
NT nhóm 2: Cháo tôm tươi , bí ngòi, cải bó xôi

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	3,140	9,420
2	0494	Đường cát	100	3,880	3,880
3	N0966	Muối Iot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,300	2,560	33,280
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
8	0645	Bánh phở khô	300	8,800	26,400
9	0286	Thịt bò loại II	300	36,750	110,250
10	0121	Hành tây	100	3,570	3,570
11	0103	Củ cải trắng	200	2,730	5,460
12	0158	Rau húng	50	11,870	5,935
13	0172	Rau xà lách	200	5,460	10,920
14	0662	Chanh dây	200	4,520	9,040
15	0727	Cá chẽm	1,000	22,050	220,500
16	0030	Củ từ (khoai từ)	600	4,940	29,640
17	N0770	Thịt nạc dăm	300	18,800	56,400
18	0747	Chuối cau	1,000	2,680	26,800
19	0750	Nui	300	7,370	22,110
20	0424	Tôm sú	300	30,980	92,940
21	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bản)	200	6,090	12,180
22	N0779	Cải bó xôi	100	8,510	8,510
23	0635	Nấm đùi gà	100	9,560	9,560
24	N0850	Mỡ heo sống	200	10,300	20,600
25	0686	Sữa tươi Vinamilk	330	6,000	19,800

26	0457	Sữa bột toàn phần	476.17	20,500	97,615
Tổng cộng					851,000

Tổng tiền thực phẩm	851,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	851,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiền chuẩn lũy kế từ đầu tháng	18,130,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	18,130,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan